TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANG
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Nha

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Lê Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụL số 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Văn Đ; nơi cư trú: Đội X, thôn TL, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Đỗ Thị L; nơi cư trú: Đội X, thôn TL, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Phạm Văn Đ trình bày: Anh và chị Đỗ Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 25-9-2006. Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận thời gian đầu và có 02 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017 do chị L gây mâu thuẫn với mẹ chồng và

anh em trong gia đình chồng, luôn nghi ngờ anh về tình cảm dẫn đến vợ chồng xảy ra xô sát, bất hòa. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng vào ngày 07-8-2018, chị L đã tổ chức đông người trong gia đình chị đánh đập anh gây thương tích. Từ sau ngày bị gia đình chị L đánh đập anh đã bỏ ra huyện AD, thành phố Hải Phòng làm ăn, thỉnh thoảng mới về nhà. Vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 8/2018 đến nay, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay anh Đ xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chịL .

Về con chung: Anh và chị Đỗ Thị L có 02 con chung là Phạm Thị Yến N, sinh ngày 30-7-2007 và Phạm Lý Hạo N1, sinh ngày 25-10-2014, hiện đang ở với chịL . Khi ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con, mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản: Anh xin tự giải quyết với chị Đỗ Thị L về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các văn bản tố tụng khác và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Đỗ Thị L xác nhận về điều kiện hoàn cảnh kết hôn như anh Đ trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác. Từ cuối năm 2018 đến nay anh Đ bỏ ra nội thành Hải Phòng làm ăn. Chị đã động viên anh về đoàn tụ gia đình nhưng anh không thay đổi và chủ động sống ly thân với chị. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau, đối xử với nhau lạnh nhạt. Nay anh Đ xin ly hôn, chị không đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn Đ có 02 con chung là Phạm Thị Yến N, sinh ngày 30-7-2007 và Phạm Lý Hạo N1, sinh ngày 25-10-2014, hiện đang ở với chị. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị đề nghị nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi mỗi con, mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản: Chị xin tự giải quyết với anh Phạm Văn Đ về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ và các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành yêu cầu của Tòa án trong quá trình

giải quyết vụ án như việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Việc bị đơn vắng mặt 01 lần tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho banh Phạm Văn Đ được ly hôn với chị Đỗ Thị L. Về con chung: Giao hai con chung Phạm Thị Yến N, sinh ngày 30-7-2007 và Phạm Lý Hạo N1, sinh ngày 25-10-2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời hạn nuôi con, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản: Anh Đ và chị L tự giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Đỗ Thị L có hộ khẩu thường trú tại thôn TL, xã ĐM, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn giữa anh Phạm Văn Đ và chị Đỗ Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Đvà chị Đỗ Thị L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ , huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 25-9-2006 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị hoà thuận thời gian đầu và có hai con chung, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2018 do vợ chồng nghi ngờ nhau về tình cảm nên đã xảy ra xô sát, bất hòa. Từ tháng 8/2018 đến nay, anh Đ và chị L sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay anh Đ nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L. Quá trình giải quyết vụ án, chị L không đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của anh Phạm Văn Đ xin ly hôn với chị Đỗ Thị L là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Phạm Văn Đ và chị Đỗ Thị L có hai con chung là Phạm Thị Yến N, sinh ngày 30-7-2007 và Phạm Lý Hạo N1, sinh ngày 25-10-2014, hiện đang ở với chị L . Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét sự thỏa thuận về việc nuôi con của anh chị, Hội đồng xét xử nhận định: Anh Đ và chị L đều có thu nhập ổn định, mặt khác con chung Phạm Thị Yến N, sinh ngày 30-7-2007 có nguyện vọng xin ở với chị L , con Phạm Lý Hạo N1, sinh ngày 25-10-2014 còn nhỏ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị, giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận sự thỏa thuận của anh Đ và chị L , anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con, mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), khoản cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 5/2019 là phù hợp.

[4] Về tài sản: Anh Phạm Văn Đ và chị Đỗ Thị L tự giải quyết về tài sản, không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, anh Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn Đ được ly hôn với chị Đỗ Thị L.

2. Về con chung: Giao hai con chung Phạm Thị Yến N, sinh ngày 30-7-2007 và Phạm Lý Hạo N1, sinh ngày 25-10-2014 cho chị Đỗ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Phạm Thị Yến N, sinh ngày 30-7-

2007 là 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng)/tháng, nuôi con Phạm Lý Hạo N1, sinh ngày 25-10-2014 là 1.500.000 đồng (Một triệu, năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời hạn nuôi con, thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản: Anh Phạm Văn Đ và chị Đỗ Thị L tự giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ đã nộp tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001315 ngày 23 tháng 01 năm 2019. Anh Phạm Văn Đ còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- VKSND thành phố Hải Phòng
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- UBND xã ĐM huyện VB, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thương Huyền